

Rìa-hu, nguồn gốc Ấn Độ và những biến đổi trong văn hóa Khmer Nam Bộ

• Phan Anh Tú

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Rahu là thần bóng tối có nguồn gốc từ truyền thuyết Khuấy Biển Sứa của đạo Hindu nhưng khi đi vào văn hóa Khmer Nam Bộ nó bị biến đổi về tên gọi, niềm tin và truyền thuyết. Bài viết của chúng tôi nhằm nghiên cứu nguồn

gốc của Rìa-hu, phân tích, đánh giá những biến đổi trong văn hóa Khmer Nam Bộ và các quốc gia nằm trong quỹ đạo của Phật giáo Nam tông.

Từ khóa: Rìa-hu, Ketu, Samadra, người Khmer, Nam Bộ, Phật giáo, Nam tông

Dẫn nhập

Rahu là tên gọi của thần bóng tối trong thần thoại Ấn Độ có nguồn gốc từ quỷ Asura (A-tu-la) với dung mạo chỉ có phần đầu và hai tay. Chiêm tinh học Ấn Độ cho rằng Rahu là một trong chín hành tinh của vũ trụ gọi chung là Navagraha được người Trung Hoa dịch là Cửu diệu hay Cửu tú, nó thường đi theo cặp với Ketu cũng được sinh ra từ một thân thể của quỷ Asura. Cặp đôi quái vật này nằm trên giao điểm của con đường thiên giới chờ mặt trời và mặt trăng đi qua sẽ đón bắt rồi nuốt vào miệng gây ra hiện tượng Nhật thực và Nguyệt thực như quan niệm dân gian ở Ấn Độ và Đông Nam Á. Trong văn hóa Thái Lan, Rahu được gọi là Phra Rahu, còn trong vùng văn hóa Khmer Nam Bộ nó được gọi tên là Rìa-hu hay Phra Rìa-hu¹. Bài viết của chúng tôi nhằm giới thiệu nguồn gốc của Rìa-hu, phân tích những biến đổi trong văn hóa Khmer Nam Bộ và so sánh với các quốc gia nằm trong quỹ đạo của Phật giáo Nam tông.

Rìa-hu trong thần thoại Ấn Độ và Khmer

¹ Người Thái, Lào và Khmer dùng chữ Phra trước tên các vị thần để hiện sự tôn kính. Ngoài ra, Phra còn được dùng để chỉ những vị thần có nguồn gốc từ đạo Bà La Môn không phân biệt nam hay nữ thần. Ví dụ như: Phra Isuan – thần Shiva, Phra In – thần Indra, Phra Narai – thần Vishnu, Phra Rum – thần Brahma và Phra Thoni – nữ thần đất.

Ấn Độ và các quốc gia Đông Nam Á đều có chung câu chuyện thần thoại kể sự tích Rìa-hu trong tập kinh Samudra Mantha (*Truyền thuyết Khuấy Biển Sứa*). Nguồn gốc điển tích này được ghi trong kinh Bhagavata Purana (Chí tôn ca) của sử thi Mahabharata nhằm ca ngợi công lao sáng thế của thần Bảo tồn Vishnu, một trong tam đại thần chủ của Bà La Môn giáo. Câu chuyện kể rằng một hôm thần Indra cười bachel ba đầu Airavata đi qua chỗ của đạo sĩ Durvasa, để tỏ lòng tôn kính vị đạo sĩ dâng lên cho thần một vòng hoa tuyệt đẹp. Indra nhận vòng hoa rồi treo lên ngà của voi thần, voi vút hoa xuống đất rồi lấy chân dẫm lên. Durvasa cho rằng mình bị khinh thường nên nổi giận niệm chú làm cho Indra cùng chư thần mất hết pháp thuật. Vua quỷ Bali nghe tin bèn đem đạo quân Asura đến đánh đuổi chư thần chiếm lấy thiên giới, các vị thần thua chạy đến chỗ thần Vishnu đang nằm ngủ trên mình con rắn thần Ananta – Shesha để khẩn cầu cứu giúp. Vishnu tỉnh giấc và khuyên các thần phải thỏa hiệp với quỷ mới khuấy được Biển Sứa để tìm thuốc trường sinh (Amrita). Thế là thần linh và quỷ cùng liên minh với nhau dùng con rắn thần Vusuki quấn quanh ngọn núi Mandara đặt xuống Biển Sứa làm cọc khuấy. Phía chư thần gồm 54 vị do khi thần Hanuman chỉ huy ôm lấy phần đuôi rắn, quỷ cũng

chọn được 54 tên do quý vương Ravana dẫn đầu ôm lấy phần đầu rắn. Vishnu biến thân một vị thần tám tay ngồi trên đỉnh cọc khuya tay nhịp nhàng điều khiển cuộc khuấy Biển Sữ. Sức kéo quá mạnh của cả hai bên làm cho ngọn núi thần Mandara bị lún sâu vào lòng Biển Sữ phá tan vạn vật, Vishnu bèn biến thành rùa (Kurma) dùng cái mai làm bệ đỡ ngọn núi. Thế rồi con rắn Vasuki phun ra một luồng nọc độc (Halahala) có thể giết chết toàn bộ các giống loài. Thần Shiva bèn ngửa cổ uống cạn chất độc làm cho cổ thần bị tím xanh nên Shiva được gọi là người cổ xanh (Neelakanta). Trong cuộc Khuấy Biển Sữ đó, nhiều vật thiêng được tạo ra như nữ thần Laskmi (nữ thần thịnh vượng và sắc đẹp) trở thành vợ của Vishnu, rồi một con bò cái, cây phát trần được sinh ra để trở thành linh vật của thần Shiva. Sau cùng, vị thần lương y Dhanvantari hiện ra trên tay cầm bát thuốc trường sinh. Để thuốc không rơi vào tay loài quý, thần Vishnu liền hóa thành tiên nữ Mohini yêu kiều, rồi sắp đặt cho chư thần uống thuốc trước. Tên quý Swarbhanu nhận ra việc làm của Vishnu bèn biến thành một vị thần đến ngồi giữa mặt trời và mặt trăng. Khi đến lượt Swarbhanu uống thuốc thì bị mặt trời (Surya) và mặt trăng (Chandra) phát hiện nên vội báo cho Vishnu. Vishnu dùng chiếc vòng (Chakra) chém đứt đầu Swarbhanu nhưng một vài giọt thuốc đã kịp rơi vào miệng và chảy xuống thân nên Swarbhanu không chết.

Mẹ của Swarbhanu xin nhận phần đầu con trai, về sau mọc ra thêm phần thân rắn và được đặt tên là Rahu (Rìa-hu). Đạo sĩ Mini nhận phần thân của Swarbhanu làm con trai, được thần Vishnu ban cho thêm một chiếc đầu rắn và được đặt tên là Ketu. Rahu và Ketu được thần Brahma cho lên trời thành hai vì sao nhưng Rahu vẫn giữ mối thù đối với các thần, nhất là với Mặt trời và Mặt trăng. Rahu luôn tìm cách nuốt sống hai vị thần đó vì vậy mà có nhật thực và nguyệt thực (Cao Huy Đình 2003: 134), (Pamela York Taylor 1994: 60)

Người Khmer ở tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng có nhiều biến thể kể về sự tích Rìa-hu, trong bài viết

này chúng tôi không đi sâu phân tích đặc điểm của mô típ, nội dung nhân vật và hoàn cảnh biến đổi của các biến thể đó như thế nào trong dòng văn học dân gian Khmer. Ở đây chúng tôi xin trích câu chuyện sự tích Rìa-hu được tác giả Lê Hương viết trong công trình nghiên cứu *Người Việt gốc Miên* của ông:

Ngày xưa có ba anh em mỗi cô cha mẹ, ở chung với nhau. Một hôm ba anh em muốn dâng cơm cho một vị La Hán thường qua xóm khát thực. Hai anh lớn bảo đứa em chụm lửa nấu cơm. Vì củi ướt không cháy nên gần đến giờ vị La Hán đi ngang mà cơm chưa chín. Hai người anh không biết, rầy mắng đứa em. Người anh lớn quá giận lấy muống xúc cơm đánh lên đầu em. Người em tức tối khóc thầm mà chịu. May nhờ đức tốt của anh em lửa cháy và cơm chín. Khi đặt bát dâng cơm, người em nghĩ rằng sở dĩ kiếp này nó là em mới bị hiếp đáp, bèn nguyện kiếp sau đầu thai làm một người có sức mạnh vô biên, xin thành Rìa-hu hay gió bão, mạnh không ai chặn đứng nổi. Hai người anh nghe em nguyện sợ sau này sẽ bị em làm khổ mới cầu xin cho kiếp sau, người lớn thành mặt trời, người kẻ thành mặt trăng. Nhờ đức tốt của ba anh em cúng dường vị La Hán nên kiếp sau cả ba anh em đều được như ý nguyện. Anh cả thành Mặt trời gọi là Phra A Tik, em kẻ thành Mặt trăng gọi là Phra Chan, em út thành Rìa-hu. Hai anh bị em rượt chạy theo núi Chao Mê Ru. Rìa-hu chạy không kịp tức giận vô cùng, bèn xuống ao thần Anotatak tắm rửa. Ao này do chư thiên biến hóa ra, giao quyền quản trị cho thần Komphonlak dặn rằng dù cho chư thiên, Chấn tinh hay kẻ nào muốn lấy nước hoặc tắm rửa phải có sự thỏa thuận của vị thần này, ai trái lệnh thần có quyền xử tử. Rìa-hu ý mình vô địch nên không thèm xin phép trước khi tắm, bị thần Komphonlak chém đứt ngang. Nhờ có phước lớn, Rìa-hu không chết, nhưng không còn chân để chạy nên bò lên nửa chừng núi Chao Mê Ru há họng chờ mặt trời và mặt trăng đi qua thì nuốt. Quả nhiên, mặt trăng bị Rìa-hu nuốt một năm một lần hay hai

lần, còn mặt trời thì hai, ba năm một lần (Lê Hương 1969: 37).

Người Khmer Nam Bộ chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ qua trong trung gian của đạo Bà La Môn, một tôn giáo vốn thịnh hành ở miền Nam Đông Dương trong thời kỳ tiền Phật giáo Nam tông. Bản thân Bà La Môn giáo cũng chịu nhiều cái biến từ những nền văn hóa bản địa của các cộng đồng cư dân tiếp nhận nó. Trong câu chuyện Ria-hu của người Khmer Nam Bộ, văn hóa dân gian và triết lý Phật giáo được thể hiện song hành phản ánh cho thực tế đời sống của cộng đồng người Khmer Nam Bộ là Phật giáo và văn hóa không thể tách rời nhau. Nội dung của câu chuyện có nói đến việc cúng dường Tam bảo sẽ tạo ra những phước báo lớn ở kiếp đời sau. Tư tưởng nhân quả và luân hồi của Phật giáo có ảnh hưởng chung đến những câu chuyện dân gian ở các quốc gia, tộc người chịu ảnh hưởng của dòng Phật giáo Nam tông như người Thái vùng Đông Bắc của Thái Lan và người Lào. Nội dung nói đến những gì diễn ra trong kiếp sống hiện tại là kết quả hồi báo từ những cuộc đời tiền kiếp đã làm. Chuyện Phá Đeng - Nang Này của người Lào, người Thái cũng có mô típ giống như chuyện Ria-hu của người Khmer Nam Bộ mà khi đọc qua chúng ta sẽ thấy dấu ấn phản phát của các câu chuyện kể trong Bốn Sanh Kinh (Jataka) về những cuộc đời tiền kiếp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Trong sự tích Ria-hu của người Khmer Nam Bộ, truyền thuyết *Khuấy Biển Sữa* của Bà La Môn giáo chỉ còn lại dấu vết mờ nhạt qua hình tượng cái ao thần Anotatak. Chữ Anotatak có nguồn gốc từ chữ Ananta, nghĩa là bất tận nhằm chỉ Biển Sữa trong thần thoại Ấn Độ, còn con rắn thần chờ thần Vishnu trôi trên Biển Sữa thì gọi là Ananta – Shesha. Cảnh quan địa phương đã ảnh hưởng vào nội dung của cốt truyện qua việc thu nhỏ Biển Sữa thành cái ao thần, nó phản ánh hình tượng chiếc ao thiêng nằm phía trước nhà chùa dùng để lấy nước cho các nghi lễ của Phật giáo Nam tông Khmer hoặc để thả hoa đăng trong lễ hội Kloï Prathip. Kiến trúc chùa

Khmer Nam Bộ chịu ảnh hưởng bởi thuyết vũ trụ luận của Ấn Độ với hai thành tố căn bản: Biển được biến thể thành cái ao và Núi là hình ảnh của ngôi chùa nằm trên vị trí cao nhất trong phum sóc. Vị trí phải được xác định theo nguyên tắc, Ao nằm ở hướng đông, chùa nằm về hướng tây, chính điện của chùa phải quay mặt ra ao là hướng của thần. Người Khmer Nam Bộ quen gọi là những chiếc ao nằm trước cửa chùa là ao chùa. Đối với những cái ao cổ được đào theo kiểu Baray của thời kỳ Angkor, người Khmer Nam Bộ thường gọi theo hình dạng của nó là ao vuông như trường hợp Ao Bà Om ở Trà Vinh còn có tên khác là Ao Vương². Song cũng tùy thuộc vào đặc điểm địa lý của khu vực, nhiều chùa Khmer cổ cũng được thiết kế quay mặt ra sông, lấy dòng sông thay cho cái ao. Những chùa dạng này thường có tên bắt đầu bằng chữ Kompong nghĩa bển (bển sông, bển thuyền). Dấu vết khác của Bà La Môn giáo cũng được thấy qua hình tượng cảnh quan và nhân vật như ngọn núi thần Mêru, thần Phra A Tik là thần Mặt trời Suriya, thần Phra Chan là thần Mặt trăng Chandra, thần Komphonlak canh giữ hồ thần Anotatak là thủy thần Vanura canh giữ Biển Sữa Ananta. Những hình tượng trên cho thấy câu chuyện Ria-hu của người Khmer Nam Bộ là sự hội tụ của ba dòng văn hóa: văn hóa bản địa của người Khmer Nam Bộ, văn hóa Bà La Môn giáo và văn hóa Phật giáo Nam tông.

Ria-hu trong Tương Ứng bộ kinh (Digha Nikaya)

Bộ ba nhân vật Ria-hu, Nhật thần (Suriya) và Nguyệt thần (Chandra) được nói đến trong Tương Ứng bộ kinh (Digha Nikaya) tiếng Pali của Phật giáo Nam tông. Về nội dung của bài kệ Suriya Sutra trong Tương Ứng bộ kinh mà chúng tôi khảo sát được qua một số bài viết của một số tác giả trước tác đều thống nhất chung về nội dung như

² Theo quan niệm vũ trụ của Khmer thời đại Angkor, Những ao nước được gọi là Baray là hình ảnh của những đại dương thu nhỏ, thường Baray được thiết kế theo hình vuông, tức là mẫu hình của chiếc bệ Yoni của cho nữ thần Uma hay nữ thần sông Hằng (Ganga). Giữa đáy ao người ta thường đặt một bộ ngẫu tượng Linga - Yoni biểu trưng cho cội nguồn của sự sống trong vũ trụ.

sau: khi bị Rìa-hu nuốt vào miệng Nhật thần và Nguyệt thần đọc bài kệ tôn kính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Phật nghe tin hiện ra buột Rìa-hu phải thả hai vị thần bằng những lời kệ thuyết pháp hoặc Phật buột Rìa-hu phải thả hai thần ra nếu không sẽ bị nổ tung làm bảy mảnh. Để hiểu chính xác ý nghĩa của bài kệ Suriya Sutta (kinh Nhật thiên tử), chúng tôi tham khảo bản dịch Việt ngữ từ tiếng Pali của hòa thượng Thích Minh Châu trong *Kinh điển Phật giáo Nguyên thủy*³ cho thấy nội dung như sau: Suriya bị Rìa-hu nuốt nên đọc bài kệ khẩn cầu Đức Phật, Phật hiện ra đọc một bài kệ buột Rìa-hu phải thả Suriya. Rìa-hu hoảng sợ thả Suriya rồi đi gặp một vua A-tu-la khác là Vepacitti. Vepacitti nói cho Rìa-hu nghe về oai lực của bài kệ khi Đức Phật đọc làm cho Rìa-hu run sợ, làm cho đầu Vecpacitti muốn vỡ tung thành bảy mảnh.

Các vị tu sĩ của Phật giáo Nam tông Khmer đều cho rằng *kinh Nhật thiên tử* là một trong những bài kệ đầy oai lực mà các nhà sư Nam tông Khmer dùng tụng niệm cho phật tử khi họ gặp tai nạn, phiền não với niềm tin bài kệ có khả năng mang đến bình an, phúc lành trong cuộc sống. Oai lực của bài kệ được tin là làm cho Rìa-hu, kẻ có sức mạnh vô song cũng phải thả Nhật thần (Suriya) ra khỏi miệng nên nó được các nhà sư sử dụng để chúc phúc cho tín đồ, kèm theo nghi thức rảy nước thiêng cầu mong chư thiên hộ trì tai qua nạn khỏi và những điều tốt đẹp sẽ đến cho Phật tử. Do tinh thần từ bi và dung hòa của Phật giáo nên khi tiếp nhận những câu chuyện thần thoại có nội dung liên quan đến sự xung đột giữa các vị thần Bà La Môn giáo thì Phật giáo luôn tìm biến đổi thành dung hòa.

Rìa-hu trong tín ngưỡng của người Khmer Nam Bộ và các dân tộc khác

Người Khmer tin rằng nếu mặt trăng bị Rìa-hu nuốt hết thì ngũ cốc sẽ hao hụt, còn Rìa-hu nhả ra thì lúa gạo dồi dào. Người đàn bà có thai thường van vái thần Rìa-hu phù hộ được sinh mau mắn vì

Rìa-hu là vị thần miệng rộng, nuốt được mặt trăng rồi nhả ra dễ dàng (Lê Hương 1969: 37). Người Khmer Nam Bộ là tộc người thuần nông nên tín ngưỡng Rìa-hu cũng mang đậm dấu ấn của văn hóa nông nghiệp, khi Rìa-hu nuốt mặt trời hay mặt trăng người dân tổ chức đang trống reo hò để Rìa-hu mau nhả ra. Ở Thái Lan, người dân cũng có phong tục tương tự như vậy. Đánh trống reo hò cũng là một hành động cổ vũ tạo niềm phấn khởi cho đồng bào tham gia lễ hội cộng đồng. Trong văn hóa Khmer Nam Bộ không thấy có sự hiện diện của hình tượng Ketu cả trong văn học dân gian và nghệ thuật tiểu tượng học (Iconography).

Thiên văn học Ấn Độ theo dòng Phật giáo Bắc tông truyền đến Trung Hoa và Việt Nam, hình tượng chín vị thần trong Cửu diệu tinh quân của Trung Hoa có sự ảnh hưởng nhất định từ chiêm tinh học Ấn Độ về tín ngưỡng Navagraha. Rìa-hu và Ketu được chuyển ngữ thành La Hầu và Kế Đô đồng thời bị chi phối bởi thuyết Âm Dương trong văn hóa Việt Nam và Trung Hoa. Sự ảnh hưởng này đã đồng hóa La Hầu tinh quân (Rìa-hu) và Kế Đô tinh quân (Ketu) vào cặp phạm trù Âm - Dương với quan niệm nam La Hầu, nữ Kế Đô nhưng trên thực tế cả Rìa-hu và Ketu trong văn minh Ấn Độ đều là những nam thần (thuộc Dương tính⁴) được thể hiện rõ nhất là trong nghệ thuật tiểu tượng học. Từ nền tảng của tư duy phân tích, người Trung Hoa ngoài việc mô tả hình dạng của La Hầu bằng tranh vẽ và nghệ thuật điêu khắc, họ còn nói đến kích thước và vị trí của La Hầu-Kế Đô chuyển động như thế nào trong cõi thiên giới. Có thể do nguồn gốc yêu quý trong văn hóa Ấn Độ nên người Việt và người Hoa cho rằng La Hầu và Kế Đô đều là những hung tinh chuyên gây vận hạn cho người bị chiếu. Ngạn ngữ người Việt có câu “Thái Bạch đi sạch cửa nhà”, “gặp La Hầu sầu cả năm”, hay những câu ca dao nói

³ trích dẫn từ trang web http://rongmotamhon.net/dieuam/access_to_insight/TUONG_U_NGBO/SuriyaSutta_NhatThienTu

⁴ Trong triết học Ấn Độ, một vị nam thần bao giờ cũng phải hội tụ đủ hai yếu tố Dương - Âm, Dương hình thành nên nguyên thể của các nam thần, còn Âm lực hay Âm tính tức là Sakti là các nữ thần được sinh ra từ các nam thần để bảo tồn sự tồn tại của các nam thần. Do vậy, một nam thần bao giờ của phái có vợ là Sakti của chính các nam thần.

về điềm xấu, vận hạn cho người gặp sao La Hầu và Kế Đô như sau:

La Hầu tháng Bảy, tháng Giêng
Coi chừng kéo gặp tai kiêng đến mình
Kế Đô sao ấy đến kỳ
Tháng Ba, tháng Chín sầu bi khóc thảm

Theo niềm tin dân gian, muốn giải hạn sao La Hầu – Kế Đô người bị hạn phải thực hiện nghi thức cầu cúng gọi là “cúng sao giải hạn” tại các đền chùa hay tư gia. Lời khuyên của người già dành cho con cháu là phải thận trọng trong làm ăn, buôn bán, đi xa, ứng xử, bệnh tật, nạn tai đối với sao La Hầu là tháng Bảy, tháng Giêng; sao Kế Đô là tháng Ba, tháng Chín, kiêng kỵ mặc đồ trắng suốt cả năm.

Ở Thái Lan rất phổ biến những loại bùa chú liên quan đến Phra Rìa-hu. Người Thái tin rằng nếu tìm

được quả dưa một mắt người ta sẽ khắc hình Rìa-hu nuốt mặt trăng và mặt trời lên gáo dừa. Quả dưa một mắt hay một lỗ được xem là vật thiêng hiếm có trên đời vì quả dưa bình thường luôn có ba mắt. Người sở hữu phải mang quả dưa đến một ngôi đền để nhà sư miện chú trong vòng bảy ngày mới linh nghiệm. Khi mang về nhà phải bí mật bố trí làm sao phần mắt của quả dưa quay ra hướng cửa chính của công ty hoặc cửa hàng. Người Thái tin rằng quả dưa thiêng sẽ mang đến cho họ những điều nhiệm mầu trong làm ăn, buôn bán, của cải tài lộc sẽ đi vào nhà không dứt. Niềm tin này hình thành trong giới kinh doanh Thái Lan với lý do Phra Rìa-hu nuốt mặt trời và mặt trăng là những bảo vật trên thiên giới, mặt trời là vàng, mặt trăng là bạc mà Phra Rìa-hu miệng rộng nên ăn vàng bạc vô số kể.



Hình 1. Quả dưa một mắt (lỗ) khắc bùa Rìa-hu của người Thái

(Nguồn: www.enbien.com)

Quả dưa một mắt mang ý nghĩa là chỉ có một lối đi vào, khi Rìa-hu nuốt vàng bạc thì tài vật chỉ đi vào mà không đi ra. Quan niệm này rất giống với chức năng của linh vật Tỳ Hưu của Trung Hoa mà người kinh doanh thường đặt hai bên bàn thờ thần tài hoặc ở hai bên cổng, cửa ra vào của các cửa hàng hay công ty. Tỳ Hưu cũng được tin là ăn vàng bạc nhưng lại không có hậu môn nên vàng bạc nó ăn vào vẫn giữ nguyên trong bụng. Nguồn gốc của quả dưa một mắt khắc hình Rìa-hu xuất hiện ở Thái



Hình 2. Tỳ Hưu Trung Hoa

(Nguồn: dhammapath.blogspot.com)

Lan với vai trò của một dạng tín ngưỡng kinh doanh. Hình tượng và điển tích tuy khác với Tỳ Hưu nhưng công năng và tín ngưỡng lại hoàn toàn trùng hợp. Phải chăng đây là sự ảnh hưởng của tín ngưỡng kinh doanh Trung Hoa vào hình tượng Rìa-hu của người Thái.

Người Khmer Nam Bộ tin vào chu kỳ luân hồi của vạn vật và con người, quan niệm “sinh, trụ, dị, diệt” của Phật giáo chi phối đời sống con người, vạn vật trên thế gian khi đã hoại tất phải đến diệt để

tái sinh ra những kiếp đời mới. Chu kỳ này diễn ra không ngừng giúp cho con người và vũ trụ cùng tồn tại. Quan niệm về tín ngưỡng kinh doanh với việc phải giữ lấy của cải, tích trữ tài sản làm của cho riêng mình không phù hợp với tinh thần từ bi của Phật giáo mà trong đó bố thí được xem là một trong 10 đại hạnh Ba La Mật (Paramita) của nhà Phật.



Hình 3. Mi cửa đền Nieng Khmau (tỉnh Takeo, Campuchia), điêu khắc hình Rìa-hu phun ra hai dây hoa văn nước kết thành hình hai con Naga ở phần cuối, nghệ thuật Khmer TK 10

Hình tượng Rìa-hu nuốt mặt trời xuất hiện sớm nhất trong dòng nghệ thuật tiểu tượng học Đông Nam Á là tại ngôi đền Nieng Khmau⁵ (Nàng Đen) ở tỉnh Tà Keo gần biên giới Việt Nam thuộc địa phận tỉnh An Giang. Một mi cửa của ngôi đền (lintel) mô tả thần Rìa-hu đầy oai lực há miệng rộng phun ra hai luồng sóng nước hình rắn thần Naga. Mặt trời được thể hiện bằng hình tượng thần Suriya bé xíu với hai tay cầm hai nụ sen, ngồi lọt thỏm trong cái miệng há rộng của Rìa-hu được điêu khắc bằng những lọn hoa văn sóng nước. Chiếc mi cửa điêu khắc hình Rìa-hu dưới dạng phù điêu là một tuyệt tác nghệ thuật dòng văn hóa Bà La Môn giáo, niên đại vào thế kỷ 10 thuộc thời kỳ thịnh vượng của đế chế Angkor.

⁵ Trong tiếng Khmer cổ Nieng là Nàng, Khmau là Đen, màu đen. Nieng Khmau nghĩa là Nàng Đen chỉ nữ thần Parvati (Uma) hay Kali trong tín ngưỡng Bà La Môn giáo của người Khmer cổ. Trong văn hóa người Việt, để thể hiện sự kính trọng dành cho thần linh nên gọi là Bà Đen.

Người Thái là dân tộc rất chuộng kinh doanh nên dễ dàng đồng hóa những ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ (Rìa-hu) và văn hóa bản địa (quả dưa một mắt) vào tín ngưỡng Tỳ Hưu giữ của của người Trung Hoa.

Rìa-hu trong nghệ thuật tạo hình Phật giáo Nam tông Khmer

(Nguồn: Bảo tàng Quốc gia Phnom Penh)

Trong điêu khắc Ấn Độ, Rìa-hu và Ketu được thể hiện dưới dạng nhân hình, đầu người mình rắn, Rìa-hu thường có khuôn mặt hung tợn, hai tay cầm hai mảnh mặt trời và mặt trăng. Với vai trò của một vị tinh quân, Rìa-hu thường được thể hiện ngồi trên cỗ xe do tám con ngựa kéo hoặc có vật cưỡi (Vahana) là sư tử đen. Do quan niệm Rìa-hu là thần bóng tối nên thần tượng ở Ấn Độ thường sơn màu đen, kể cả tám con ngựa và cỗ xe cũng được sơn cùng màu.

Ngoài mi cửa của ngôi đền Nieng Khmau có hình tượng Rìa-hu thể hiện theo điển tích mà nghệ thuật tạo hình của Phật giáo Nam tông Khmer hiện nay thường dùng làm mẫu, chúng tôi vẫn chưa thấy một hình tượng Rìa-hu nào được thể hiện đầy đủ chi tiết trong các nền văn hóa cổ Đông Nam Á. Điêu khắc Angkor và Champa thường thể hiện hai vì sao Rìa-hu và Ketu dưới dạng nhân hình hoặc tượng tròn như bệ thờ chín vị thần tìm thấy ở Mỹ Sơn, Trà

Kiêu, Xiêm Riệp và Phimai Khorat. Trong đó thần Rìa-hu được diễn tả ngồi trên cỗ xe do tám con ngựa kéo, xếp vị trí thứ nhất tính từ trái sang phải theo hướng đối diện. Cho đến nay loại bộ thờ chín vị thần này vẫn còn tồn đọng nhiều ý kiến khác

nhau của các nhà nghiên cứu về tên gọi và công năng của nó: là bộ thờ chín vị thần hay Cửu diệu tinh quân (Navagraha) và vị thần ngồi trên cỗ xe ngựa là thần mặt trời Suriya hay Rìa-hu tinh quân (Trần Kỳ Phương 2001: 91-93).



Hình 4. Bộ thờ chín vị thần hay Cửu diệu tinh quân (Navagraha), Điêu khắc Champa, phong cách Trà Kiệu muộn TK.10. Trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử VN TP. HCM. (Nguồn: Phan Anh Tú)

Trong nghệ thuật tạo hình, thần Rìa-hu thường hiện diện trong các ngôi chùa Khmer Nam Bộ, khảo sát phong cách thể hiện hình tượng Rìa-hu tại các ngôi chùa cổ ở tỉnh Trà Vinh và chùa Chăn-đa-ran-sây ở thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi phân mô típ Rìa-hu thành ba loại hình chính như sau:

Phù điêu Rìa-hu: thường đắp nổi trên mi cửa chính điện (Viharn), mi cửa nhà Sa – la hoặc làm thành những mảng trang trí ốp vào bờ tường xung quanh chánh điện. Ba tiêu điểm nổi bật của phù điêu Rìa-hu tập trung vào hai mắt, mũi và hình tượng mặt trăng hay mặt trời. Phong cách thể hiện có phần giống với mặt hồ phù của người Việt. Phù điêu Rìa-hu thường được sơn màu vàng, màu xanh, tô điểm đậm ở các điểm mắt, mũi, mũ đội đầu, y phục và mặt trăng.

Tranh vẽ Rìa-hu: trong tranh vẽ, Rìa-hu được thể hiện với khuôn mặt to tướng, mắt lồi, miệng rộng với hai răng nanh vươn ra, hai cánh tay no tròn đang ôm mặt trăng hoặc mặt trời cho vào miệng. Y

phục và mũ đội đầu được thể hiện mang tính chất ước lệ. Tranh vẽ Rìa-hu thường được thể hiện trong những khung nền hình vuông nằm trên trần chánh điện hay Sa-la, khác với tranh vẽ sự tích *Cuộc đời hành đạo của Đức Phật thích ca* thường tập trung trên tường.

Rìa-hu cách điệu: thường được thể hiện dưới dạng điêu khắc trên mi cửa chánh điện, Sa-la hay các công trình kiến trúc trong khuôn viên nhà chùa. Đó là kiểu dây lá chằng chịt, uốn lượn tạo thành hình Rìa-hu, giống như kiểu đề tài điêu khắc “*dây lá hóa long*” trong các ngôi chùa của người Việt. Trong điêu khắc Thái Lan, loại dây lá hóa thành Rìa-hu, rắn thần Naga hay các loại linh vật khác được người Thái gọi là Kranok. Mô típ Rìa-hu dạng này có thể nhận thấy ba tiêu điểm nổi bật tạo nên khuôn mặt Rìa-hu là hai mắt và miệng. Trong phong cách thể hiện Rìa-hu cách điệu bằng dây lá không thấy được hai tay và mặt trăng trong miệng của Rìa-hu.



Hình 5. Tranh vẽ trên mi cửa chánh điện chùa Phật lớn, sự tích Rìa-hu nuốt mặt trăng, hai bên có chư thiên hộ trì.

(Nguồn: Dương Hoàng Lộc)

Nhìn chung trong nghệ thuật tạo hình Khmer Nam Bộ, hình tượng Rìa-hu chỉ hiện diện bằng khuôn mặt và hai tay, mũ đội đầu, y phục và trang sức cách điệu, đôi khi chỉ là những đường diềm mang tính chất ước lệ, khuôn mặt Rìa-hu hung tợn nhe nanh giống như hình tượng Chằn (Yaksa). Màu sắc thường là màu vàng, màu xanh thường dành cho phù điêu, còn màu xanh điểm xuyên bằng màu đỏ ở những phần quan trọng trên khuôn mặt Rìa-hu dành cho tranh vẽ. Khi thể hiện Rìa-hu nuốt mặt trời thì vật hình tròn thường sơn màu đỏ, nuốt mặt trăng thì sơn màu vàng hoặc màu bạc như trường hợp mô típ Rìa-hu nuốt mặt trăng ở chùa Phật lớn (Kiên Giang). Đôi khi trong phù điêu hoặc tranh vẽ bên dưới thân của Rìa-hu thường được thể hiện bằng những áng mây. Màu sắc dành cho hình tượng Rìa-hu thường là màu tốt theo quan niệm dân gian, không thấy có hình tượng Rìa-hu màu đen như ở Thái Lan và Ấn Độ. Người Khmer Nam Bộ thể hiện mô típ Rìa-hu nuốt mặt trăng nhiều hơn mặt trời có thể mặt trăng là hình tượng của văn hóa nông nghiệp, gắn với cái đẹp của hội hè hay sự ảnh hưởng của sự tích cúng trắng Ok Om Bok có liên quan với câu chuyện Phật giáo về chú thỏ chúng dường nhục thân cho một vị La Hán (hay Đức Phật). Trong nghệ thuật tạo hình Khmer Nam Bộ, không xuất hiện hình tượng Rìa-hu dưới dạng tượng



Hình 6. Tranh vẽ Phra Rìa-hu của Thái Lan, màu sắc của vật hình tròn cũng mang ý nghĩa: vàng là mặt trăng, đỏ là mặt trời.

(Nguồn: Bảo tàng Quốc gia Bangkok)

tròn như ở Thái Lan vốn phổ biến với những tượng tròn Rìa-hu không lồ nuốt mặt trăng. Về mặt nhân hình, Rìa-hu Thái Lan được thể hiện với đầu đội mũ hình stupa, thân thể sơn màu đen tuyền, điểm xuyên màu vàng trên những đồ trang sức và những đường viền trên mũ đội, trên y phục, tượng thường được đặt là trên mái chùa hoặc trong những ngôi miếu thờ riêng.

Kết luận

Người Khmer Nam Bộ chủ yếu theo Phật giáo Nam tông nhưng chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi dòng văn hóa Bà La Môn giáo qua trung gian của nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau. Sự kế thừa di sản của thời kỳ tiền Phật giáo có thể thấy qua thần điện của Phật giáo tông Khmer, ngoài hình tượng Đức Phật thuộc về Phật giáo còn chư thiên và linh vật dường như đều có nguồn gốc từ Bà La Môn. Hình tượng Rìa-hu tuy có nguồn gốc từ Ấn Độ nhưng được cải biên qua nhiều giai đoạn thời gian trong văn hóa Khmer nên sự tích Rìa-hu đã mang đậm yếu tố văn hóa dân gian và Phật giáo. Dựa trên nền tảng của triết lý Phật giáo, người Khmer Nam Bộ đã biến thành Rìa-hu thành một dạng tín ngưỡng bản địa với niềm tin, truyền thuyết và hình tượng thay đổi nhiều so với nguyên bản trong thần phả Ấn Độ.

Nghiên cứu hình tượng Rìa-hu truyền thống sẽ giúp cho độc giả hiểu thêm về yếu tố bản địa hóa

trong văn hóa Khmer Nam Bộ và các tộc người Đông Nam Á trong quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa với Ấn Độ bằng nhiều hình thức gián tiếp hay trực tiếp. Ngày nay việc kế thừa những mẫu hình điêu khắc hay hoa văn Rì-a-hu truyền thống của người Khmer Nam Bộ dường như chưa được quan

tâm đúng mức. Nhiều mẫu hình Rì-a-hu, Kala và Kirtimukha được sao chép rập khuôn từ nước ngoài đang xuất hiện ngày càng nhiều tại những ngôi Khmer Nam Bộ mới trùng tu hoặc xây dựng gần đây. Tác giả sẽ tiếp tục phản ánh điều này trong một bài viết khác.

***Bài viết là kết quả nghiên cứu thuộc dự án “Sinh kế của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh phát triển hiện nay”, mã số đề tài: C2016-18b-06, ĐHQG-HCM

Rahu – of Indian origin and the changes in the Southern Khmer culture

- **Phan Anh Tu**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

Rahu is a god of darkness that originates from the myth of Churning Milky Ocean (Samudra Mantha) of Hinduism. However, when entering the Southern Khmer culture in Vietnam, Rahu's name, beliefs and legends

were reformed. The paper focuses on researching Rahu's origin, analyzing and valuing the changes in the Southern Khmer culture and in the nations located in the sphere of Theravada Buddhism.

Key words: *Rahu, Ketu, Samadra, Khmer people, the Southern Vietnam, Theravāda Buddhism*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Cao Huy Đình. 2003. *Tìm hiểu văn hóa Ấn Độ* (tác phẩm được giải thưởng Hồ Chí Minh, HN: NXB. KHXH
- [2]. Châu Đạt Quan (1973), *Chân Lạp phong thổ ký* (Lê Hương dịch), Nguyễn Thiều, Sài Gòn
- [3]. Coomaraswamy, Ananda K. 1985. *History of Indian and Indonesian Art*. New York: Dover Publications, Inc (reprint).
- [4]. Daweewarn, D. 1982. *Brahmanism in South-East Asia*, New Delhi: Humanities Press.
- [5]. Huỳnh Thanh Bình 2012. “*Câu chuyện về Mô Típ Rì-a-hu trang trí ở chùa Phật Khmer*”. Nguyệt san Giác ngộ 196 -07 -2012 in trong
- [6]. Lê Hương 1969. *Người Việt gốc Miên*, Thanh niên, Sài Gòn
- [7]. Lê Hương 1974). *Sử liệu Phù Nam*, Thanh niên, Sài Gòn
- [8]. Nguyễn Thừa Hỷ 1986. *Tìm hiểu văn hóa Ấn Độ*. Nxb. Văn Hóa. Hà Nội.
- [9]. Pamela York Taylor 1994. *Beast, Birds, and Blossoms in Thái Art*. Oxford University Press.
- [10]. Phan Thị Yến Tuyết 2010. “*Tâm thức ứng xử với nước của người Khmer qua lễ hội Ok*

- Angbok – tiếp cận sinh thái văn hóa”, *Tờ tin khoa học – Đại học Trà Vinh* số 07, tháng 02 năm 2010.
- [11]. Phan Thị Yến Tuyết 2012. “Tâm thức ứng xử với biển của người Khmer Nam Bộ qua lễ hội Phước Biển (Chroi Rumchek) – tiếp cận sinh thái văn hóa”, *tạp chí khoa học xã hội, viện phát triển bền vững vùng Nam Bộ*, tháng 04 năm 2012.
- [12]. Tanistha Dansilp and Michael Freeman 2002. *Thai Things, Craft and Collectibles*. Asia Book
- [13]. Trần Dũng, Đặng Tấn Đức 2012. *Diện mạo văn hóa tín ngưỡng và lễ hội dân gian tỉnh Trà Vinh*. NXB. Văn hóa thông tin.
- [14]. Trần Kỳ Phương. 2001. *Phù điêu Hộ thế bát phương thiên của đế chóp tháp Vân Trạch Hòa và hình tượng Hộ thế bát phương thiên trong điêu khắc Champa*, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ* số 3(33). Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.
- [15]. Trần Kỳ Phương. 2003. *Di tích mỹ thuật Champa ở Thừa Thiên Huế*, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển* số 4-5 (42-43).